



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG**



## **BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THÁNG 7/2008**

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

### Tổng quan diễn biến thị trường trong tháng 7/2008:

🚩 Các mốc sự kiện trong tháng 7	3
🚩 Diễn biến giao dịch của TTCK tháng 7	4
🚩 Tâm điểm trên TTCK tháng 7	7

## CHỦ ĐỀ THÁNG

### Phân tích ngành

🚩 Ngành cao su tự nhiên	8
🚩 So sánh ngành	14

## PHỤ LỤC

### Số liệu thống kê

🚩 Thống kê giao dịch thị trường tháng 7 trên HOSE	16
🚩 Thống kê giao dịch thị trường tháng 7 trên HASTC	20
🚩 Chỉ số chứng khoán thế giới	24

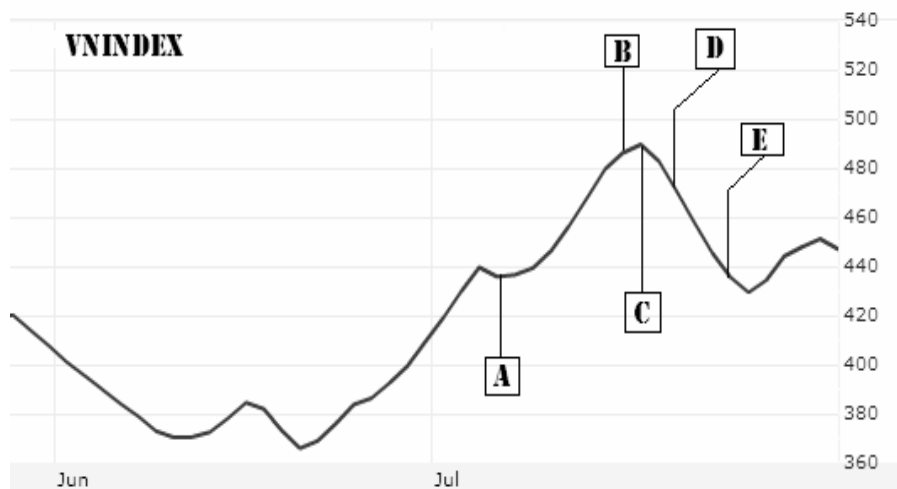
### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

#### Hội sở chính tại Hà Nội

Địa chỉ: 22 Thành Công – Ba Đình – Hà Nội  
Tel: 04.7726868  
Fax: 04.7726131

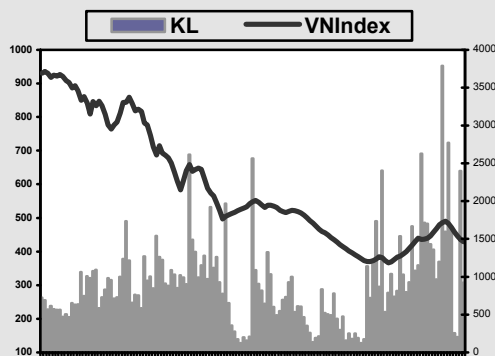


## Các mốc sự kiện trong tháng 7



- A** 7/7/2008 Phiên đảo chiều đầu tiên trong chuỗi tăng điểm của VNIndex trong tháng 7. Khối lượng giao dịch tăng đột biến khi đạt 26,2 triệu CP & CCQ/phiên.
- B** 16/7/2008 Phiên giao dịch **thiết lập kỷ lục về khối lượng giao dịch**: 37,8 triệu CP & CCQ được chuyển nhượng.
- C** 17/7/2008 VNIndex đạt đỉnh 489,83 điểm – mốc điểm cao nhất tính từ 2 tháng trở lại đây.
- D** 21/7/2008 Chính phủ điều chỉnh **tăng giá xăng từ 14.500 đ – 19.000 đ/lít** (tăng 31%) – tác động mạnh đến tâm lý nhà đầu tư khiến thị trường giảm điểm trong 1 tuần liên tiếp.
- E** 24/7/2008 Tổng cục Thống kê chính thức thông báo chỉ số CPI tháng 7 tăng 1,13% - mức thấp nhất tính từ đầu năm.

HOSE	
VNIndex đầu kỳ	409,61 điểm
VNIndex cuối kỳ	451,36 điểm
VNIndex cao nhất	489,83 điểm
VNIndex thấp nhất	409,61 điểm
Tổng KLGD	359.956.798CP
Tổng GTGD	12.032 tỷ đ



HASTC	
Hastc-Index đầu kỳ	114,99 điểm
Hastc-Index cuối kỳ	143,32 điểm
Hastc-Index cao nhất	151,04 điểm
Hastc-Index thấp nhất	114,99 điểm
Tổng KLGD	173.152.524CP
Tổng GTGD	5.196 tỷ đ

## Diễn biến giao dịch TTCK tháng 7

Tháng 7 là tháng giao dịch có nhiều sự kiện nổi bật trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nếu trong tháng 6, đa số các cổ phiếu đều giảm giá trong tình trạng không có người mua thì sang tháng 7, *tính thanh khoản trên thị trường được cải thiện rõ rệt*, giao dịch sôi động với sự tăng giảm của VNIndex.

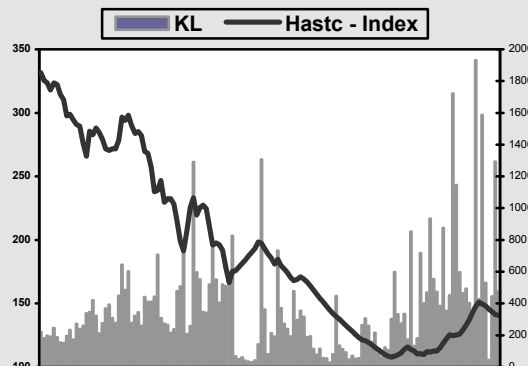
Ngay từ phiên giao dịch đầu tháng 7, VNIndex đã dễ dàng vượt qua mốc 400 điểm và tăng mạnh trong 4 phiên liên tiếp. Sức hút từ thị trường chứng khoán trở nên mạnh mẽ, các nhà đầu tư bắt đầu quay trở lại sàn giao dịch. Diễn biến giao dịch sôi động khi khối lượng giao dịch luôn đạt ở mức cao (bình quân đạt gần 10 triệu CP/phiên), các cổ phiếu không phân biệt blue-chip hay penny-stock đều được các nhà đầu tư đặt mua. Những cổ phiếu được săn mua nhiều nhất vẫn là các CP blue-chip như SSI, DPM, FPT, STB...

Chu kỳ tăng trưởng của VNIndex từ 363 điểm lên mức 438 điểm đã vấp phải một phiên đảo chiều điều chỉnh giảm nhẹ 3,79 điểm trong ngày 7/7/2008 – đây vừa là phiên hiện thực hóa lợi nhuận của những nhà đầu tư mua được cổ phiếu rẻ, vừa là phiên mua vào đối với những nhà đầu tư có niềm tin với thị trường, mức giao dịch của phiên này lên tới 26,2 triệu cổ phiếu.

Sau phiên điều chỉnh ngày 7/7/2008, thị trường đã từ từ đi lên một cách ổn định, VNIndex đã đạt được mốc 450 điểm ngay trong tuần thứ 2 của tháng 7. Lực cầu của tuần này đã tăng lên mức kỷ lục, *mức giao dịch lớn nhất trong 1 phiên của HOSE đã lên tới 37,8 triệu đơn vị CP (16/7/2008) – đây là lượng giao dịch kỷ lục của thị trường trong vòng 8 năm qua*. Tuy nhiên lượng cầu mạnh chưa đủ hỗ trợ để đưa VNIndex vượt lên mức 500 điểm. Ngưỡng cản tâm lý này khó có thể vượt qua trong giai đoạn hiện nay khi chỉ số lạm phát đang ở mức cao, cộng với tình hình tài chính bất ổn khiến

TOP 5 CP tăng giá sàn HOSE

CP	Giá 30.6	Giá 31.7	+/-
TCT	63	97,5	34,5
BMC	57	87	30
TSC	48,9	77,5	28,6
PVD	76	100	24
SJS	46,2	67,5	21,3



TOP 5 CP tăng giá sàn HASTC

CP	Giá 30.6	Giá 31.7	+/-
VSP	48,1	97,7	49,6
KBC	104,3	141	36,7
SCJ	42,3	76,1	33,8
DTC	41,7	72,4	30,7
S99	35,1	63,2	28,1

mức 489,83 điểm (17/07/2008) của VNIndex có thể coi là đỉnh ngắn hạn của TTCK trong tháng 7 này. Sau ngưỡng trên thị trường đột ngột giảm mạnh, nguyên nhân phần lớn là do việc tăng giá xăng dầu của Nhà nước.

*Ngày 21/7/2008:* Chính phủ quyết định tăng giá xăng dầu với mức tăng lên tới 31%. Đứng trên khía cạnh quản lý vĩ mô, việc tăng giá xăng dầu mang lại nhiều yếu tố tích cực, lành mạnh cho nền kinh tế như giảm gánh nặng thâm hụt ngân sách cho Chính phủ, giảm nỗi lo buôn lậu và giảm sự bất cân đối trong việc bảo hộ xăng dầu đối với các thành phần kinh tế khác nhau... Tuy nhiên, quyết định tăng giá bất ngờ của Chính phủ đã tạo ra một hiệu ứng tâm lý tiêu cực tới đông đảo các nhà đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, lo ngại về lạm phát có thể tiếp tục gia tăng đã khiến nhiều nhà đầu tư ồ ạt rút vốn để mua USD. Cùng với xu hướng bán ra đã hình thành từ trước đó, TTCK ngay lập tức giảm mạnh trong 1 tuần đầu khi xăng tăng giá. VNIndex đã quay lại mức 429,46 điểm (25/07/2008), hiện tượng tranh bán CP lại diễn ra.

*Ngày 24/07/2008,* Tổng cục Thống kê chính thức công bố lạm phát của tháng 7 với mức thấp nhất từ đầu năm tới nay là 1,13%. Tuy nhiên, việc tăng giá xăng dầu lần này chưa được phản ánh vào chỉ số CPI tháng 7, và nhiều chuyên gia cho rằng, chỉ số CPI trong những tháng còn lại của năm sẽ chịu sức tác động rất lớn. Hiện Chính Phủ vẫn đang nỗ lực kiểm soát giá cả thị trường, nhằm chặn nguy cơ tăng giá theo xăng dầu, tránh tâm lý hoang mang cho người tiêu dùng. Nếu các biện pháp kiểm soát giá thành công, CPI các tháng còn lại của năm được kỳ vọng sẽ chỉ trên dưới mức 1%. Về tỷ giá, sau khi có thông tin xăng tăng giá, giá USD ngay lập tức được đẩy lên mức khoảng 17.500đ/USD (từ mức giao dịch 16.800đ/USD). Tuy nhiên, cơn sốt này chỉ kéo dài được 1 ngày khi NHNN công bố dự trữ ngoại tệ và đẩy mạnh bán ra đáp ứng nhu cầu cho các nhà nhập khẩu. Đầu tư vàng cũng phải chịu những rủi ro không nhỏ do thị trường vàng thế giới đang có những biến động bất thường, khó dự đoán. Do đó, TTCK hứa hẹn sẽ tiếp tục là một kênh đầu tư sinh lời hấp dẫn trong thời gian tới.

TOP 5 CP giảm giá sàn HOSE			
CP	Giá 30.6	Giá 31.7	+/-
DMC	112	86	-26
KMR	48	28,6	-19,4
VKP	38,3	19,2	-19,1
KDC	78	59,5	-18,5
NKD	72	55	-17

	HOSE	HASTC
<b>CP niêm yết mới</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
<b>Tổng số CP niêm yết</b>	<b>160</b>	<b>146</b>

TOP 5 CP giảm giá sàn HASTC			
CP	Giá 30.6	Giá 31.7	+/-
NPS	38,8	25,3	-13,5
C92	24	12,9	-11,1
ONE	25,8	16	-9,8
HBE	19,2	10,1	-9,1
HUT	19,3	10,4	-8,9

Tuần giao dịch cuối cùng của tháng 7 chứng kiến *sự phân hóa khá mạnh* giữa các mã cổ phiếu. Những cổ phiếu tốt được đặt mua với số lượng lớn, còn những cổ phiếu còn lại giao dịch ở mức thấp. Xu hướng mua bán một chiều không còn diễn ra trong tuần này, cân bằng cung cầu trên thị trường ổn định hơn với mức giao dịch 10 triệu CP/phần. Trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 7 (31/7/2008), VNIndex đã vượt qua mốc 450 điểm – một ngưỡng điểm tâm lý khá quan trọng. Theo đánh giá của các chuyên gia, tính thanh khoản của thị trường đang ở mức tốt, biến động của thị trường cũng ổn định hơn và đây là thời điểm khá hợp lý để các nhà đầu tư có thể giải ngân vốn.

Động thái của nhà đầu tư nước ngoài trong tháng này không có nhiều biến động, trừ động thái mua vào hơn 7 triệu cổ phiếu SSI trong phiên ngày 21/7/2008. Ngoài SSI, thì DPM cũng được thu gom khá mạnh với lượng mua ròng DPM lên tới 7,7 triệu CP. Ngoài SSI, DPM khối ngoại vẫn ưa chuộng một số mã CP chủ chốt như: PVD, PPC, FPT, HPG...

Ở sàn Hà Nội, diễn biến giao dịch chủ yếu bị chi phối bởi động thái của cổ phiếu ACB, chỉ số Hasc-Index trong tháng đã tăng từ 112,67 điểm lên mức 143,32 điểm, tức là tăng được hơn 30,65 điểm trong tháng 7. Cũng như sàn TP Hồ Chí Minh, khối lượng giao dịch trong tháng 7 tại sàn Hà Nội đạt mức cao, trung bình phiên lên tới 5 triệu CP/phần.

Tổng kết trong tháng 7, mặc dù VNIndex chưa vượt qua được mốc 500 điểm, nhưng vẫn có nhiều tín hiệu lạc quan khi tính thanh khoản của thị trường luôn ở mức cao, một số công ty có những báo cáo KQKD làm hài lòng nhà đầu tư. Quan trọng hơn là lộ trình kiểm chế lạm phát đang tỏ ra có hiệu quả và khi nền kinh tế phục hồi thì TTCK sẽ có cơ hội để lấy lại những thành quả đã mất trong 6 tháng đầu năm.

**TOP 10 CP NĐTNN MUA NHIỀU NHẤT HOSE**

Mã CK	Khối lượng mua	Khối lượng bán	Mua - Bán
SSI	6.875.740	1.156.310	5.719.430
DPM	3.678.940	833.500	2.845.440
PPC	2.492.360	2.176.560	315.800
PVD	1.851.100	578.450	1.272.650
FPT	1.617.950	594.040	1.023.910
VSH	1.470.850	1.396.590	74.260
VNM	1.325.460	1.043.760	281.700
HPG	1.233.460	158.350	1.075.110
ITA	832.810	162.010	670.800
ANV	688.250	251.150	437.100

**TOP 10 CP NĐTNN MUA NHIỀU NHẤT HASTC**

Mã CK	Khối lượng mua	Khối lượng bán	Mua - Bán
PVI	1.053.440	494.100	559.340
NTP	281.100	179.300	101.800
BVS	214.970	23.600	191.370
NBC	187.400	281.400	-94.000
KLS	155.000	85.000	70.000
SD6	79.000	1.000	78.000
SD7	74.900	700	74.200
PAN	50.000	10.000	40.000
S64	43.700	2.000	41.700
SDJ	43.000	1.400	41.600

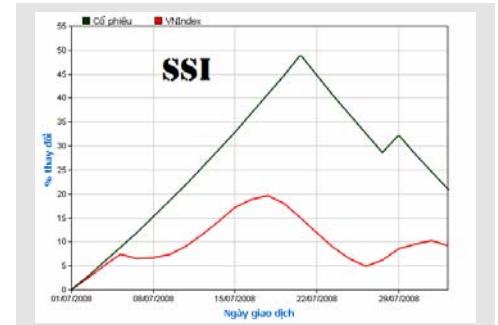
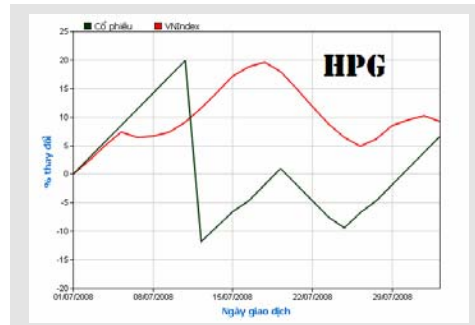
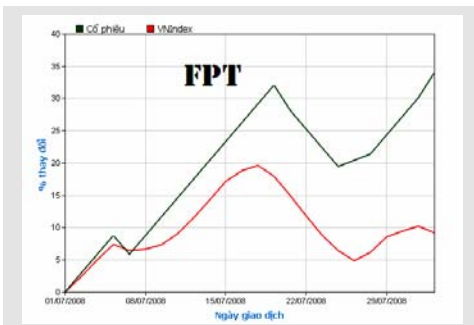
## Tâm điểm trên TTCK tháng 7

**Tâm điểm của tháng** giành cho giao dịch của cổ phiếu SSI với sự tham gia nhiệt tình của khối NĐTNN. Ngay sau khi có công bố mua vào gần 12 triệu CP SSI của tập đoàn Daiwa Securities và gần 7 triệu CP SSI của ANZ vào cuối tháng 6, sức cầu CP SSI trên thị trường liên tục ở mức cao, đủ sức chống đỡ trước các phiên xả hàng của nhà đầu tư trong nước, đưa SSI thăng tiến từ mức giá 27.000đ/CP (20/6/2008) lên 49.000đ/CP (21/7/2008) sau 21 phiên tăng trần liên tiếp.

Phiên giao dịch ngày 21/7/2008 đánh dấu việc kết thúc giai đoạn thăng hoa của SSI. Trước sự bán tháo của các nhà đầu tư nội, NĐTNN đã mạnh tay mua vào tới 7.898.380 CP SSI, nâng room SSI lên 49%. Điều này khiến SSI dường như hết mất động lực tăng trong các phiên giao dịch sau đó. CP này vì thế đã liên tục có những phiên giảm sàn liên tiếp, bất chấp thị trường đang có những phiên phục hồi nhẹ trong tuần cuối cùng của tháng 7.

Ngoài SSI, TTCK tháng 7 còn có những điểm tựa khá vững chắc khác là DPM, HPG, FPT, PVS, VSP, NTP... Những CP ngành dầu khí như PVS, PVC, VSP... nhận được rất nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư. Dư mua và khối lượng giao dịch của các mã CP này thường lên đến 1 triệu CP/phiên, nhất là trong những ngày thị trường có dấu hiệu đảo chiều. Đặc điểm chung của các cổ phiếu này là tình hình hoạt động kinh doanh quý 2 của các công ty đều đạt kết quả cao. Cá biệt có một số mã như VSP, DPM... tình hình lợi nhuận của 6 tháng đầu năm đã bằng hoặc vượt kế hoạch cho cả năm 2008.

Một tâm điểm nữa đáng chú ý trong tháng là giao dịch của các cổ phiếu mới. Những cổ phiếu mới lên sàn như BLF, TV4, MMC, SDD... thiết lập 1 mức giá cao trong ngày giao dịch đầu tiên, sau đó luôn được đặt mua với số lượng lớn. Tuy nhiên sau khi đã đạt được lợi nhuận kỳ vọng, thì những cổ phiếu này cũng bị xả hàng với số lượng lớn, điển hình là trường hợp của BLF. Sau khi chạm mức 19.600đ/CP (18/7/2008), BLF đã liên tục bị bán tháo với dư bán lên tới hàng trăm ngàn cổ phiếu.



## CHỦ ĐỀ THÁNG

### NGÀNH CAO SU THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

#### Triển vọng và rủi ro ngành

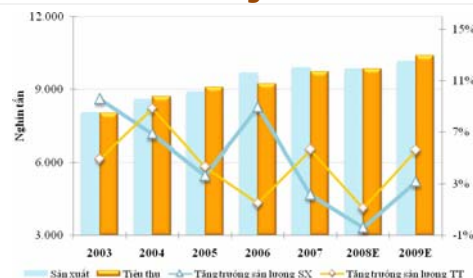
- Triển vọng đối với ngành cao su tự nhiên (CSTN) thế giới tương đối tích cực: (i) nhu cầu CSTN tăng mạnh trong những năm gần đây, dự kiến sẽ vượt sản lượng sản xuất trong năm 2009; (ii) tốc độ tăng trưởng nhu cầu CSTN (bình quân 5%/năm trong giai đoạn 2002-2007) cao hơn so với cao su tổng hợp (CSTH) (3.9%/năm).  
Các nguyên nhân chính làm tăng nhu cầu CSTN bao gồm: giá dầu thô – nguyên liệu chính sản xuất CSTH – tăng mạnh làm tăng chi phí sản xuất CSTH, đồng thời ngành công nghiệp ô tô (chiếm 50% sản lượng tiêu thụ cao su) tiếp tục phát triển mạnh.  
Nguồn cung CSTN tuy cũng tăng trưởng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đang tăng mạnh, một phần do thiên tai gần đây ở các nước Châu Á – nơi chiếm 90% sản lượng sản xuất CSTN thế giới.
- Ngành CSTN Việt Nam có triển vọng khá lớn: (i) năng suất trồng cao su ở Việt Nam đứng thứ 2 trên thế giới, do độ tuổi cây cao su chủ yếu đang nằm trong giai đoạn năng suất cao cũng như các yếu tố thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi; (ii) CSTN Việt Nam đang giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc và mở rộng sang các thị trường khác ở châu Âu.
- Một số yếu tố rủi ro chung của ngành CSTN toàn cầu: (i) mặc dù nhu cầu tiêu thụ CSTN đang tăng lên nhưng tiêu thụ CSTH hiện vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn (gần 60%); (ii) xét về mặt môi trường, người sử dụng có khuynh hướng sử dụng CSTH thay thế CSTN để bảo vệ môi trường sống; (iii) ngành công nghiệp ô tô có thể đạt đến điểm bão hòa khi nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc và Ấn Độ giảm dần (là 2 thị trường có tốc độ tăng trưởng tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới) hoặc khoa học thế giới phát triển phát minh sản phẩm thay thế; (iii) tăng giá CSTN gần đây chủ yếu do thiên tai làm ảnh hưởng đến sản lượng, do đó, về dài hạn, giá CSTN khó có thể tăng đột biến như trong thời gian qua.
- Thách thức lớn đối với ngành CSTN Việt Nam là điều kiện đất đai (hiện đất tốt để trồng cây cao su không còn nhiều vì thế diện tích trồng cao su khó có thể mở rộng). Ngoài ra một số rủi ro khác ngành CSTN Việt Nam phải đối mặt bao gồm: (i) Việt Nam nằm trong khu vực có nhiều thiên tai; (ii) lạm phát tăng cao làm giá các loại vật tư phục vụ cho sản xuất CSTN (hóa chất, xăng dầu, phân bón...) cũng tăng mạnh; (iii) vườn cao su của các công ty cao su sắp bước qua thời kỳ năng suất cao.

#### Tổng quan ngành

##### Ngành cao su thiên nhiên thế giới

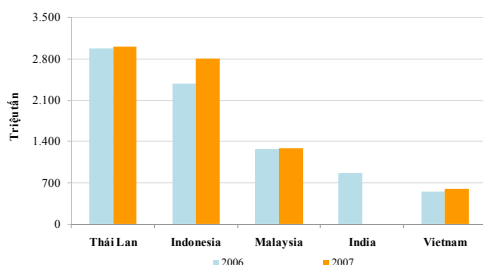
Sản lượng sản xuất và tiêu thụ CSTN toàn cầu tăng trưởng bình quân 5%/năm trong giai đoạn 2003-2007, quan hệ cung cầu trong ngành khá cân đối. Tuy nhiên, theo dự báo đến năm 2009, thị trường cao su thế giới sẽ thiếu 312,000 tấn cao su thiên nhiên bởi nhu cầu tăng nhanh hơn so với nguồn cung<sup>1</sup>. Sản lượng sản xuất dự kiến sẽ đạt khoảng 10,16 triệu tấn, thấp hơn mức tiêu thụ 10,39 triệu tấn<sup>2</sup>.

**Hình 1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ CSTN thế giới**



Nguồn: International Rubber Study Group



**Hình 2. Top 5 nước dẫn đầu về sản lượng sản xuất**

Nguồn: FAOSTAT database

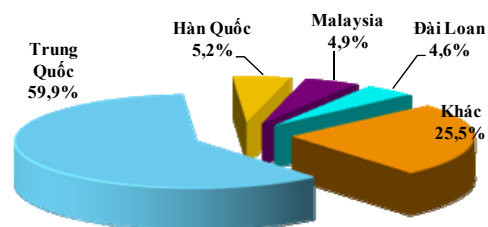
Sản lượng sản xuất CSTN tập trung 90% ở các nước châu Á, trong đó Đông Nam Á chiếm tới 80% sản lượng toàn cầu. 5 nước có sản lượng sản xuất và xuất khẩu hàng đầu bao gồm: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Ấn Độ và Việt Nam.

Châu Á cũng là khu vực tiêu thụ CSTN lớn nhất, chiếm 60% toàn thế giới, trong đó 2 cường quốc dân số Trung Quốc và Ấn Độ đã chiếm hơn 30% sản lượng tiêu thụ toàn cầu.

**Bảng 1. Các nước NK và tiêu thụ hàng đầu**

Chi tiêu		2007	2006
<b>Trung Quốc</b> (nghìn tấn)	Nhập khẩu	150	160
	Tiêu thụ	2.387	2.170
<b>Nhật Bản</b> (nghìn tấn)	Nhập khẩu	56,9	61,1
	Tiêu thụ	89,1	86,3

Nguồn: IRSG, Bloomberg

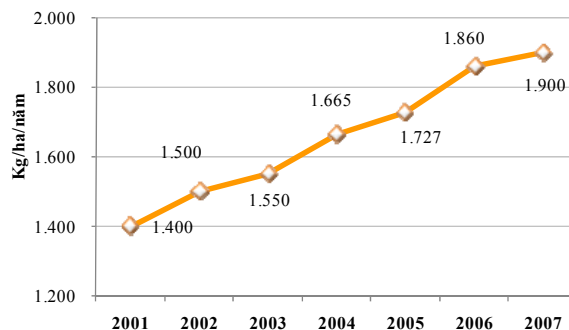
**Hình 3. Các nước xuất khẩu hàng đầu 2006**

Nguồn: Tổng hợp của KLS<sup>3</sup>

### **Nghành cao su thiên nhiên Việt Nam**

#### **Năng suất**

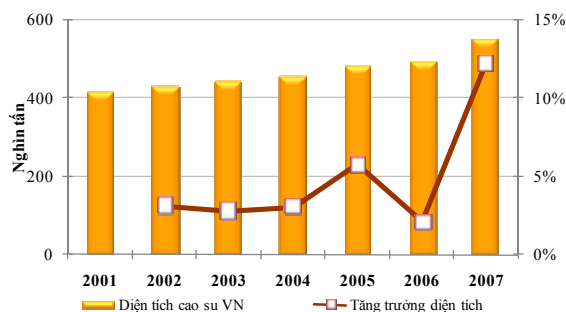
**Việt Nam hiện xếp thứ 2 thế giới về năng suất trồng cao su**, chỉ sau Ấn Độ. Tốc độ tăng trưởng năng suất khai thác bình quân trong giai đoạn 2001-2007 là 5%/năm. Năng suất khai thác cao su Việt Nam tăng nhanh và ở mức cao nhờ những yếu tố sau: điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi, công nhân có kinh nghiệm, và đặc biệt độ tuổi vườn cây cao su đang ở thời kỳ cho mủ nhiều nhất. *Vườn cây cao su Việt Nam chủ yếu nằm trong độ tuổi có năng suất mủ lớn nhất (14-16), chiếm trên 50%.*

**Hình 4. Năng suất cao su BQ toàn ngành Việt Nam**

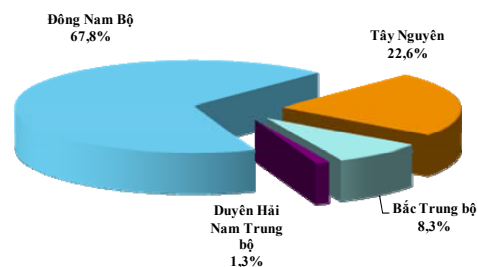
Nguồn: Hiệp hội cao su Việt Nam

#### **Diện tích, sản lượng**

Tổng diện tích cao su trên toàn quốc hiện đạt gần 550 nghìn ha, gấp 3 lần so với diện tích năm 1995<sup>4</sup>. Diện tích đất chủ yếu tập trung ở Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Ngoài ra, Việt Nam còn có hàng nghìn hecta cao su tại Lào (gần 10.000 ha) và Campuchia (22.000 ha).

**Hình 5. Diện tích và tốc độ tăng trưởng 2001-2007**

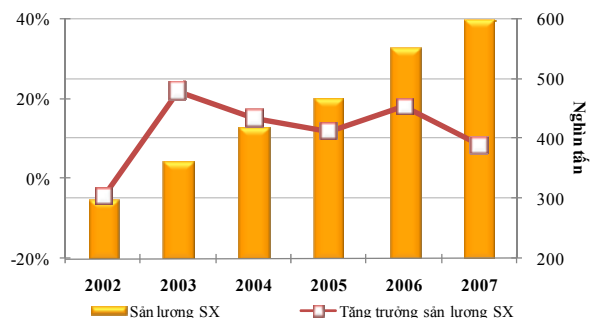
Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

**Hình 6. Diện tích trồng cao su theo vùng**

Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

### Nguồn cung

Sản lượng CSTN tự khai thác của Việt Nam chiếm 70-80%, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2002-2007 là 15%/năm, cao hơn nhiều so với mức bình quân trên thế giới (khoảng 5%). Tuy nhiên, tỷ lệ này trong năm 2007 đã giảm xuống 8,4% từ mức 18,12% trong năm 2006, nguyên nhân chính là sản lượng mủ cao su thu hoạch giảm do ảnh hưởng xấu của thời tiết trong năm và diện tích cho mủ tăng không đáng kể.

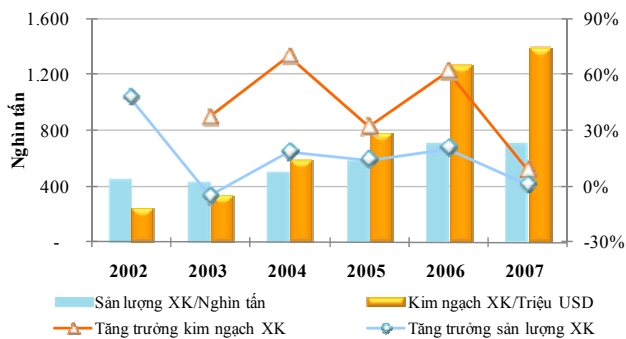
**Hình 7. Sản lượng sản xuất và tốc độ tăng trưởng 2002-2007**

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### Nguồn cầu

Chỉ khoảng 10% sản lượng CSTN sản xuất trong nước được sử dụng cho nhu cầu nội địa, 90% còn lại được dùng cho xuất khẩu. Lượng tiêu thụ trong nước khoảng 80.000 tấn/ năm, chủ yếu để sản xuất lốp xe với giá trị khoảng 600 triệu USD và các sản phẩm khác với giá trị khoảng 200 triệu USD<sup>5</sup>.

### Xuất nhập khẩu

**Hình 8. Sản lượng và kim ngạch xuất khẩu 2002-2007**

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Tính đến năm 2007, CSTN Việt Nam được xuất khẩu đến hơn 40 nước trên thế giới với sản lượng đứng thứ 5 thế giới (sau Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Ấn Độ) và doanh thu đứng thứ 4 (sau Thái Lan, Indonesia và Ấn Độ). Tốc độ tăng trưởng sản lượng XK cao su trong giai đoạn 2002-2007 là 16,22%, cao nhất trong các nước xuất khẩu cao su. Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Trung Quốc, chiếm khoảng 60% tổng giá trị XK, các nước xuất khẩu khác bao gồm Hàn Quốc, Malaysia, Đức, Đài Loan và Nga.

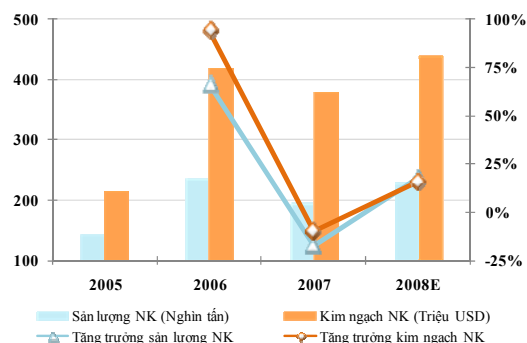
Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng sản lượng cao su XK của Việt Nam đang có xu hướng giảm sút, chủ yếu do chất lượng cao su thấp hơn so với các nước khác. Xuất khẩu của Việt Nam tập trung chủ yếu vào các sản phẩm

CSTN chưa được xử lý, với gần 60% là cao su tự nhiên đã định chuẩn về kỹ thuật và CSTN ở dạng nguyên thủy. Việt Nam chủ yếu sản xuất SVR3L (là sản phẩm có giá thấp, nhu cầu chủ yếu tập trung ở thị trường Trung Quốc) trong khi những mặt hàng thị trường cần và có giá cao như cao su ly tâm, SVR 10, 20... thì Việt Nam sản xuất ít.

Hàng năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 200 ngàn tấn CSTN, chiếm khoảng 20-30% tổng sản lượng tiêu thụ (bao gồm sản lượng xuất khẩu và tiêu dùng nội địa), với nguồn nhập khẩu chủ yếu từ các nước Thái Lan, Campuchia và Indonesia.

Năm 2007 sản lượng và kim ngạch nhập khẩu cao su giảm, do các nước xuất khẩu vào Việt Nam bị giảm sản lượng vì thiên tai, tuy nhiên so với sản lượng, giá trị nhập khẩu giảm ít hơn do giá cao su thế giới tăng mạnh. Dự báo năm 2008 sản lượng và kim ngạch nhập khẩu sẽ tăng lên.

**Hình 9. Sản lượng và kim ngạch nhập khẩu**



Nguồn: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

### Các yếu tố tác động đến tăng trưởng ngành

#### Thổ nhưỡng, khí hậu

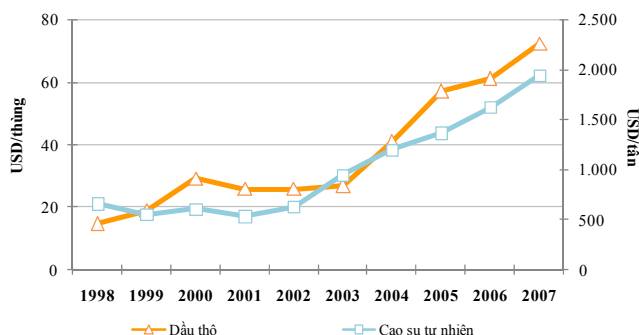
Cây cao su được trồng phù hợp nhất ở vùng đất đỏ bazan và khí hậu nhiệt đới. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay đất bazan quy hoạch phát triển cây cao su đã hết, nhiều nơi phải trồng cao su trên vùng đất cát phà, đất xám... với hàm lượng sinh dưỡng ít. Những vùng đất này có tầng canh tác rất mỏng nên 1-2 năm đầu cây cao su phát triển tốt, nhưng sau 5-6 năm cây sẽ phát triển kém. Để khắc phục các vấn đề này, ngành CSTN Việt Nam đã đưa ra một số giải pháp: (i) rút ngắn chu kỳ kinh doanh<sup>6</sup>; (ii) nghiên cứu, cải tiến giống cây; (iii) tìm kiếm các vùng đất phù hợp; và (iv) phát triển cây cao su sang Lào, Campuchia.

#### Ngành tiêu thụ CSTN

Ngành công nghiệp ô tô là ngành tiêu thụ chủ yếu sản phẩm CSTN và CSTH. Hàng năm, ngành công nghiệp ô tô toàn cầu tiêu thụ khoảng 50% sản lượng cao su<sup>7</sup>. Những năm gần đây, nhu cầu tiêu thụ cao su thế giới tăng mạnh, nguyên nhân là sự bùng nổ của nền kinh tế đặc biệt là sự phát triển ngành công nghiệp ô tô ở Trung Quốc và Ấn Độ.

#### Giá dầu thế giới

**Hình 10. Diễn biến giá dầu thô và cao su thiên nhiên**



Nguồn: Bloomberg, Tổng cục thống kê

Dầu thô là nguyên liệu đầu vào để sản xuất CSTH – sản phẩm thay thế của CSTN. Diễn biến giá dầu tác động đến giá thành CSTH, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu và giá CSTN.

5 tháng đầu năm 2008, giá dầu thô đã tăng 40%<sup>8</sup> - mức tăng kỷ lục. Giá CSTN cũng tăng tương ứng với xu hướng tăng của giá dầu.

### Cổ phiếu ngành CSTN

Hiện ngành CSTN Việt Nam có 4 doanh nghiệp đã niêm yết ở sàn HOSE, tuy các doanh nghiệp này có quy mô vừa và nhỏ so với các doanh nghiệp trong ngành nhưng kết quả kinh doanh những năm gần đây đều có tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Trong số 4 công ty cao su thiên nhiên đã niêm yết, DPR là công ty có quy mô về vốn, diện tích vườn cây và sản lượng cao nhất, tuy nhiên hiệu quả hoạt động trên vốn và tài sản của DPR không phải là tốt nhất do tốc độ tăng trưởng lợi nhuận không bắt kịp tốc độ tăng trưởng vốn và tài sản.

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của các doanh nghiệp trên sàn**

Doanh nghiệp		D.Thu * (tỷ VNĐ)	LNST * (tỷ VNĐ)	EPS * (VNĐ)	VĐL* (tỷ VNĐ)	Vốn hóa ** (tỷ VNĐ)	P/E	ROA*	ROE*
DPR	CTCP cao su Đồng Phú	712	215	5.380,41	400,0	2.540,00	11,80	20,4%	33,2%
HRC	CTCP cao su Hòa Bình	280	117	6.777,78	172,6	821,62	7,02	32,7%	36,7%
TNC	CTCP cao su Thống nhất	177	43	2.244,69	192,5	290,68	6,73	15,7%	19,6%
TRC	CTCP cao su Tây Ninh	521	183	6.103,96	300,0	2.070,00	11,30	25,0%	41,7%

*Nguồn: Báo cáo tài chính các công ty, tính toán của KLS*

*\*Các chỉ tiêu tính theo 4 quý gần nhất*

*\*\* Giá ngày 31/07/2008*

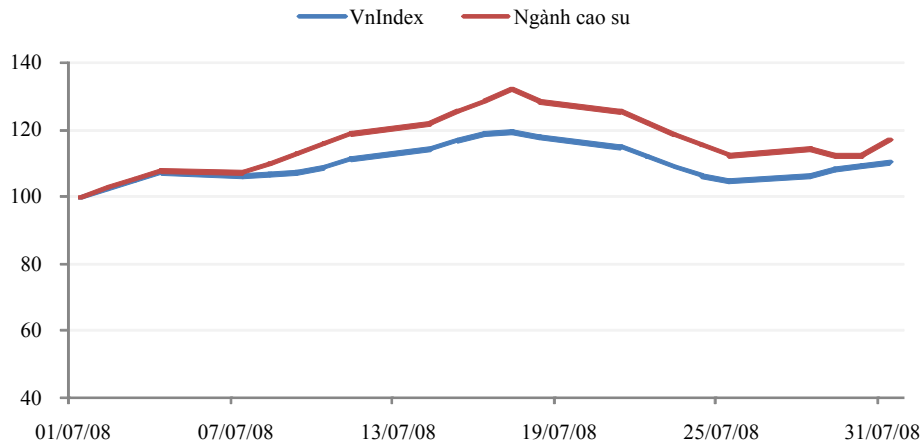
Tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính năm 2007 của các công ty cao su hầu hết giảm sút so với năm 2006. Nguyên nhân là do các công ty này bị thiệt hại nặng trong cơn bão số 9 cuối năm 2006 (HRC mất gần 22% diện tích cây cao su, TNC mất 35% vườn cây, hơn nữa đa số vườn cây của TNC đã qua thời kỳ phát triển cao nhất nên sản lượng giảm dần..). Ngoài ra, diện tích đất trồng cao su của toàn ngành hầu như không tăng lên. Các yếu tố này đã tác động đến chỉ tiêu tài sản cũng như các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Trước 2007, HRC có tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tốt nhất trong nhóm, nhưng do bị thiệt hại nặng nhất trong cơn bão số 9/2006 nên năm 2007, vị trí này được thay thế bởi DPR.

**Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp 2006-2007**

Công ty	Doanh thu thuần		Lợi nhuận trước thuế		VCSH		Tài sản	
	2006	2007	2006	2007	2006	2007	2006	2007
DPR	38,99%	16,89%	36,02%	12,35%	704,78%	57,53%	225,67%	-32,99%
HRC	45,17%	-7,66%	80,66%	-7,68%	48,81%	19,26%	46,43%	12,26%
TNC	3,45%	14,05%	4,04%	-8,10%	0,55%	-2,77%	12,68%	3,66%
TRC	43,82%	5,94%	45,89%	-7,76%	21,96%	53,54%	273,77%	-43,88%

*Nguồn: Báo cáo tài chính các công ty, tính toán của KLS*



*Nguồn: KLS Research*

Từ biểu đồ trên có thể thấy, diễn biến cổ phiếu ngành cao su thiên nhiên có xu hướng vượt trội so với chỉ số toàn thị trường. Điều này được lý giải bởi sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành cao su thiên nhiên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong thời gian qua. Ngoài ra, do đặc thù ngành, các yếu tố bất lợi hiện nay đối với kinh tế vĩ mô không gây ảnh hưởng tiêu cực đối với ngành mà thậm chí còn có ảnh hưởng tích cực (như giá xăng dầu tăng làm tăng chi phí sản xuất cao su tổng hợp, từ đó đẩy mạnh nhu cầu đối với cao su tự nhiên).

**Hình 12. Diễn biến giá cổ phiếu ngành cao su thiên nhiên**

*Nguồn: KLS Research*

Bước vào tháng 7, sau khi báo cáo tài chính các công ty niêm yết được công bố, với kết quả kinh doanh tốt, các cổ phiếu ngành cao su thiên nhiên tiếp tục chuỗi tăng điểm cho đến tuần thứ 3, giá cổ phiếu cao su bắt đầu sụt giảm cùng với đà sụt giảm của VNINDEX. Giá các cổ phiếu trong ngành hầu như có diễn biến khá tương đồng, cho đến tuần cuối của tháng 7, giá cổ phiếu DPR tăng vượt trội trong khi HRC giảm sâu so với các cổ phiếu cùng ngành, tuy nhiên sau đó đà giảm của HRC đã chứng lại.

Triển vọng cổ phiếu ngành cao su tương đối tốt, do giá cao su thế giới và trong nước đang tăng mạnh. Bên cạnh đó thị trường chứng khoán đang diễn biến tương đối tích cực sẽ là động lực để cổ phiếu ngành cao su tăng trưởng.

### SO SÁNH CỔ PHIẾU MỘT SỐ NGÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT

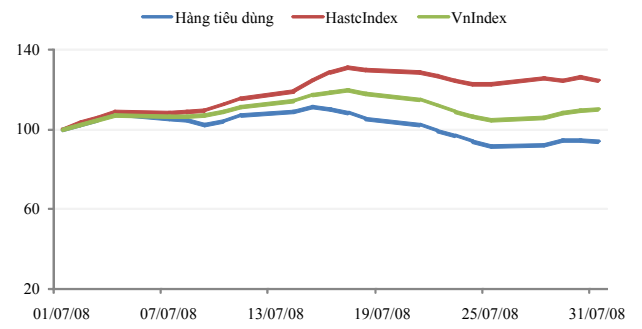
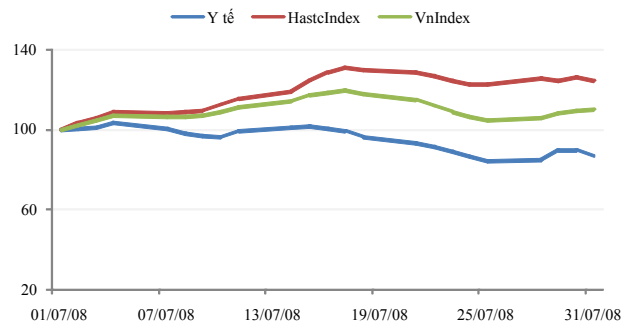
So với 6 tháng đầu năm, tháng 7 toàn thị trường có diễn biến tương đối tích cực, hầu hết giá cổ phiếu các ngành đều đi lên ngoại trừ Y tế và Hàng tiêu dùng (cổ phiếu ngành Y tế giảm 13,11% và Hàng tiêu dùng giảm 6,22%) - đây cũng chính là 2 ngành đã có tốc độ giảm ít nhất trong 6 tháng đầu năm, điều này cho thấy xu thế đi ngược lại thị trường của các ngành này. Nguyên nhân chủ yếu là các cổ phiếu ngành Y tế có mức giá cao tương đối so với các ngành khác do không bị sụt giảm quá nhiều trong giai đoạn thị trường đi xuống, trong khi các nhà đầu tư đang có xu hướng đầu tư vào những cổ phiếu có P/E thấp. Ngoài ra, kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm của một số công ty trong ngành hàng tiêu dùng không tốt (ví dụ BBC bị lỗ 11 tỷ) cũng ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu ngành này.

*Ngành Dầu khí và Nguyên vật liệu có được mức tăng mạnh nhất*, với mức tăng 29,26% và 23,73% tương ứng. Các công ty trong ngành Dầu khí hầu hết đều có kết quả kinh doanh tốt, với chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt hoặc vượt kế hoạch năm, đây là một trong những yếu tố góp phần làm tăng giá cổ phiếu của các công ty này.

Sau thời kỳ giảm sâu, ngành tài chính đã vượt lên với mức tăng trưởng 17,74% trong tháng 7, chủ yếu nhờ kết quả hoạt động kinh doanh tích cực của 2 ngân hàng niêm yết (ACB, STB) so với kỳ vọng của nhà đầu tư.

Ngành	6 tháng đầu năm	Tháng 7
<i>Dầu khí</i>	-54,02%	29,29%
<i>Nguyên vật liệu</i>	-51,39%	23,73%
Công nghiệp	-67,89%	9,74%
<i>Hàng tiêu dùng</i>	-46,50%	-6,22%
<i>Y tế</i>	-45,62%	-13,11%
Dịch vụ tiêu dùng	-64,71%	7,46%
Dịch vụ thiết yếu	-54,95%	11,66%
Tài chính	-62,44%	17,74%
Công nghệ	-76,46%	5,42%
HastcIndex	-65,05%	24,64%
VnIndex	-56,64%	10,19%

*Nguồn: KLS Research*



Nguồn: KLS Research

## PHỤ LỤC

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG THÁNG 7 - HOSE

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Tổng KL	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
ABT	34	31,5	40,9	950.700	98.530	433.120
ACL	33,3	26,3	33,3	569.240	256.570	97.290
AGF	23	22,7	33,9	2.454.840	46.950	1.498.060
ALP	12,9	12,5	15,6	2.331.730	125.880	335.830
ALT	27,5	25,6	30,4	179.290	27.000	46.300
ANV	39,2	39,2	55,5	1.244.360	588.960	529.850
ASP	12,8	12,5	15	473.010	51.750	40.250
BBC	21,4	21,4	30,2	3.201.960	430.650	356.690
BBT	7	7	8,8	611.310	37.830	20.420
BHS	19,5	19,5	27,9	673.030	21.580	391.500
BMC	87	58,5	87	567.480	241.790	60.830
BMI	18,3	18,3	23,2	1.371.250	289.870	113.000
BMP	49,8	40,2	53	349.120	43.690	50.730
BPC	10,3	10,3	13,2	573.300	88.700	39.320
BT6	48,9	43,4	54,5	164.170	4.730	49.940
BTC	25	25	33,5	130.450	10	0
CAN	12,4	12,4	15,6	1.051.010	281.260	523.370
CII	27,2	27,1	33,1	1.463.570	30.550	72.140
CLC	19,8	19,4	21,4	130.160	35.050	0
CNT	33	33	36	1.580	0	0
COM	32,7	28,8	34,7	185.810	8.560	2.840
CYC	11,3	10,4	12,8	290.650	33.150	22.960
DCC	11,6	11,6	14,3	706.380	85.680	64.580
DCT	10,2	10,2	12,5	1.382.300	156.020	73.970
DDM	20,3	16,8	20,3	146.380	0	0
DHA	28	22,4	30,1	2.018.500	217.680	592.550
DHG	131	119	150	1.277.090	405.820	472.770
DIC	18,7	18,2	21,5	359.590	23.070	6.930
DMC	86	83	116	305.750	41.690	131.150
DNP	10,4	10,1	12,8	701.810	13.620	24.720
DPC	12,6	12,6	15,9	215.350	37.340	31.230
DPM	57,5	44	60,5	28.376.980	9.280.200	1.614.700
DPR	63,5	54	73	2.335.230	803.840	342.770
DQC	48,5	47	61	4.393.910	975.660	358.720
DRC	35	31,1	39	820.420	59.160	80.440
DTT	14,7	14,7	16,5	190.610	740	900
DXP	23,3	18	24	488.510	19.150	24.650
DXV	8,7	8,7	10,8	730.770	1.550	2.890
FBT	11,2	10	11,6	2.763.860	107.910	115.780
FMC	13,5	13,2	17,5	1.554.390	124.290	869.630
FPC	21,7	21,7	28	120.780	1.000	1.070



## CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Tổng KL	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
FPT	67	51,5	68	7.882.050	2.638.590	525.610
GIL	18,4	17,9	23,9	1.640.250	68.940	547.520
GMC	16,1	16,1	19,1	217.060	22.800	8.780
GMD	41,7	38,3	47	2.642.600	327.440	14.290
GTA	15,5	14	18,3	745.950	1.300	2.800
HAP	26,8	24,6	32,3	3.106.840	471.230	289.990
HAS	17,1	16,6	21,8	596.870	76.250	47.950
HAX	25,8	25,8	30,9	347.350	34.880	37.340
HBC	28,7	28	38	654.600	230.400	301.370
HBD	10,3	10,2	12,3	472.580	41.470	40.690
HDC	27,5	27,5	37,2	760.800	73.620	406.080
HMC	18,9	16,9	20,6	868.890	27.950	26.600
HPG	55	46,7	63,5	12.501.160	2.628.860	245.570
HRC	47,6	44,5	59,5	1.006.340	93.270	378.300
HSI	23,4	18,5	23,9	1.046.470	54.550	65.470
HT1	12,4	12,4	16,6	2.168.190	206.120	156.130
HTV	12,9	12,9	16,9	707.510	131.490	49.180
ICF	9,9	9,9	12,2	1.234.530	63.570	38.600
IFS	11,5	11,5	13,7	291.910	200	200
IMP	109	99	119	195.860	86.830	35.790
ITA	89	82	103	1.694.930	978.210	502.770
KDC	59,5	59,5	89	1.625.800	752.020	300.130
KHA	11,7	10,6	12,7	1.267.870	26.720	131.240
KHP	13,1	13,1	16,1	682.880	126.890	129.740
KMR	28,6	28,6	46,6	1.440	0	0
L10	13,1	12,7	15	233.160	14.220	12.800
LAF	19	16,7	22,6	1.559.910	12.960	120.980
LBM	23	16,4	23	1.353.150	8.800	47.500
LGC	40,4	36,1	46,9	90.860	20	0
LSS	16,2	13,9	17,2	1.584.840	100.500	45.950
MAFPF1	5	5	6	823.460	82.770	53.590
MCP	13,3	12,1	15	696.880	100	385.300
MCV	11,5	10,9	13	896.930	97.280	105.100
MHC	12,7	12,5	15,8	1.767.730	46.970	38.130
MPC	11,8	11,8	16,3	1.935.460	119.890	298.820
NAV	15,4	15,4	19,7	1.172.810	84.480	55.170
NHC	40,1	28,9	40,1	209.030	6.700	100
NKD	55	55	79	317.440	85.430	12.440
NSC	26,3	22	27,9	1.045.000	153.640	86.800
NTL	35	26,6	35,9	1.763.030	287.630	24.990
PAC	40	35,9	45,1	1.107.750	329.110	34.930
PET	24,1	15,9	24,1	6.533.040	271.680	1.394.350
PGC	13,2	13,2	16,3	2.990.610	195.390	1.096.810
PIT	18	15,4	20	1.582.120	75.200	49.000
PJT	12,7	12,7	15,8	966.250	20.310	8.000
PMS	26,3	25,1	29	103.420	100	450
PNC	11,6	11,3	13,8	295.150	40.030	12.920
PPC	29,2	26,2	32,5	6.850.110	2.988.340	658.220

## CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Tổng KL	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
<b>PRUBF1</b>	5,1	5,1	6,1	6.323.060	459.020	148.290
<b>PVD</b>	100	78	107	5.487.150	2.432.400	792.560
<b>PVT</b>	14	14	18,4	3.526.830	207.680	816.520
<b>RAL</b>	40	34,4	49,1	1.006.130	48.700	95.950
<b>REE</b>	33,1	28,3	37,1	6.686.060	149.170	124.580
<b>RHC</b>	24,8	22,3	26,4	224.140	12.750	1.360
<b>RIC</b>	17,1	17,1	25,1	758.850	85.100	179.990
<b>SAF</b>	21,2	20	24,4	224.700	24.290	1.600
<b>SAM</b>	20,8	20,8	28,7	7.664.510	385.080	2.956.660
<b>SAV</b>	15	15	21	194.420	520	76.090
<b>SBT</b>	9,6	9,6	12,3	3.828.390	111.310	65.530
<b>SC5</b>	29,7	27,2	34,6	2.141.430	154.770	104.050
<b>SCD</b>	17,9	17,4	23,9	375.600	10.100	3.000
<b>SDN</b>	21,5	20,9	26,9	26.370	0	910
<b>SFC</b>	28	26,4	29,7	192.210	120.680	7.700
<b>SFI</b>	41,8	29,1	41,8	986.330	71.770	34.780
<b>SFN</b>	11	10,4	12,5	99.600	550	50
<b>SGC</b>	15,1	15,1	20,4	164.800	55.030	6.500
<b>SGH</b>	94	86	100	23.850	2.780	3.000
<b>SGT</b>	33,7	29,5	34,1	3.807.390	1.582.050	153.680
<b>SHC</b>	31,6	22,4	31,6	747.500	379.550	60.560
<b>SJ1</b>	16,7	16,7	21	79.680	90	5.000
<b>SJD</b>	15,8	15,4	18,3	610.960	97.750	63.530
<b>SJS</b>	67,5	47,5	67,5	3.450.700	1.376.380	539.520
<b>SMC</b>	35,1	30,1	37,2	1.143.890	105.850	28.580
<b>SSC</b>	25	23	30,1	922.600	18.470	617.130
<b>SSI</b>	41	32,9	49	14.460.220	12.264.410	1.433.610
<b>ST8</b>	27,3	24,5	30	250.130	50	920
<b>STB</b>	23,6	22,4	29,6	48.084.070	0	81.230
<b>TAC</b>	57,5	57,5	78	1.246.080	220.630	697.420
<b>TCM</b>	13,4	13,1	17	3.469.780	312.640	112.300
<b>TCR</b>	11,7	11,1	15,3	368.830	258.990	19.170
<b>TCT</b>	97,5	64,5	97,5	278.000	18.570	4.090
<b>TDH</b>	45,7	45,7	61,5	901.500	224.920	364.320
<b>TMC</b>	28,5	21,9	28,5	418.040	21.850	10.560
<b>TMS</b>	51	37,9	53	62.930	0	8.000
<b>TNA</b>	20,6	19,2	22,3	209.470	6.720	3.100
<b>TNC</b>	15,1	13,5	17,7	2.068.210	72.360	652.440
<b>TPC</b>	14,8	13,6	16,7	902.180	53.120	53.030
<b>TRC</b>	69	63,5	81,5	709.520	221.850	70.020
<b>TRI</b>	16,9	16,9	22,4	254.300	55.790	71.910
<b>TS4</b>	11,2	11	13,9	340.700	54.970	64.980
<b>TSC</b>	77,5	50	77,5	745.720	25.280	10.940
<b>TTC</b>	11,4	10,6	12,4	559.100	63.260	99.200
<b>TTF</b>	20,4	20,4	27	1.452.580	233.330	50.400
<b>TTP</b>	16,9	16,5	25,1	5.331.150	200.560	2.794.830
<b>TYA</b>	10,8	10,8	15	2.079.510	108.930	1.402.100
<b>UIC</b>	12,7	12,5	15,2	741.100	49.620	21.340

**CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Tổng KL	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
<b>UNI</b>	16,8	14,4	18,7	1.316.710	76.880	72.290
<b>VFC</b>	21,8	19,1	25,8	318.170	40.290	26.000
<b>VFMVF1</b>	12,1	10,7	13,8	9.954.690	291.520	295.820
<b>VFMVF4</b>	7,2	7	9	8.897.360	582.960	364.100
<b>VGP</b>	24,4	21,9	26,4	230.880	15.550	12.610
<b>VHC</b>	20,1	18,8	23,7	1.015.390	472.180	249.740
<b>VHG</b>	19,3	19,3	26,9	708.280	93.710	246.890
<b>VIC</b>	106	96	108	2.309.600	361.230	234.860
<b>VID</b>	13,6	11,5	14,3	2.194.980	22.700	11.700
<b>VIP</b>	16,9	16,9	23,9	1.554.970	268.390	201.700
<b>VIS</b>	24,1	19,7	24,1	594.080	24.830	7.900
<b>VKP</b>	19,2	19,2	37,2	4.350	0	140
<b>VNE</b>	10,8	10,8	14,4	3.745.760	162.180	1.446.990
<b>VNM</b>	109	99	123	3.572.690	2.002.050	1.523.260
<b>VNS</b>	45,3	45,3	48	8.480	0	0
<b>VPK</b>	10	9,7	11,8	367.060	24.380	31.680
<b>VPL</b>	120	108	120	309.110	14.670	134.480
<b>VSC</b>	61	43,2	61	1.178.120	260.830	37.670
<b>VSH</b>	30,2	24,9	33,8	2.991.540	1.805.640	190.350
<b>VTA</b>	9,3	9,3	10,9	397.090	14.650	11.410
<b>VTB</b>	15,4	15,4	21,2	101.890	2.640	3.310
<b>VTC</b>	15,8	15,8	20,9	144.980	1.030	200
<b>VTO</b>	15,5	15,5	19	12.524.120	1.432.660	3.570.650

(Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán TP HCM)

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG THÁNG 7 - HASTC

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
ACB	62,8	48,9	69,4	0	0
B82	13,3	12	19,5	200	0
BBS	11,4	11	14,4	30.300	35.300
BCC	12,4	12,1	15,4	113.300	170.400
BHV	25	19	26,4	0	0
BLF	13,9	12,5	18,9	24.100	12.500
BTH	13,2	12,4	16,1	3.500	3.500
BTS	11,9	11,8	15,7	4.400	314.000
BVS	33,7	33	48,2	216.100	83.300
C92	12,9	12,9	23,1	200	0
CAP	19,4	15	21,6	2.600	0
CDC	40,8	28,6	43,5	29.000	19.000
CIC	11,2	11,2	15,2	9.200	1.900
CID	12,4	12	15,7	0	0
CJC	21	18,9	24,4	7.300	0
CMC	17,6	15	21,4	7.500	100
CSG	12	11,5	16,3	0	60.800
CTB	16	14,5	19,7	0	0
CTC	22,6	21,8	24,3	0	0
CTN	15,5	14,7	21	4.100	5.000
DAC	33,6	22,6	33,6	200	0
DAE	13,8	13,1	17,5	0	0
DBC	22,1	15,9	23,7	65.800	110.000
DCS	9,6	8,5	12,6	184.900	177.400
DHI	13,7	13,7	17,6	1.000	11.300
DST	10,5	10,5	13,8	100	7.300
DTC	72,4	42	72,4	5.500	2.000
EBS	19,1	17,7	24,9	0	0
GHA	27,2	19,7	28,8	7.900	100
HAI	31,5	26,7	38,6	600	500
HBE	10,1	10,1	19,2	100	0
HCC	14,4	12,7	15,1	900	500
HCT	15,4	15,4	18,5	1.500	0
HEV	16,6	14,3	18,7	700	0
HHC	20,3	19,4	28	24.700	24.700
HJS	11,6	11,6	14,9	18.700	33.000
HLY	50,3	29,8	50,3	7.500	1.900
HNH	15,9	15,1	21,8	53.800	55.200
HPC	19,1	17,9	26,7	163.200	112.700
HPS	14,5	14,4	16,6	200	0
HSC	183,4	183,4	183,4	0	0
HTP	10,9	10,9	14,1	0	0
HUT	10,4	10,4	19,3	200	0

**CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
ILC	21,4	20	28,5	17.200	19.000
KBC	141	104,2	152,9	665.900	2.100
KLS	12	10,3	15	422.300	235.400
KMF	12,5	12,1	14	0	0
L18	12,3	12,3	16,5	2.000	3.100
L43	15,5	13,9	20,6	0	0
L62	25,2	24,3	33,9	0	0
LBE	16,6	16,4	19,3	0	0
LTC	12,5	12,5	16,4	200	0
LUT	14,9	14,9	21,6	0	0
MCO	11,2	10,9	13,9	600	0
MEC	22,9	15,8	22,5	6.900	0
MIC	86	67,7	99,8	800	0
MMC	66,2	59,6	66,2	700	0
NBC	35,6	30,8	42,6	108.000	365.500
NGC	19,4	16,2	19,3	0	0
NLC	14,6	14,6	18,8	50.200	60.500
NPS	25,3	25,3	38,8	0	0
NST	13,9	12	15,1	0	0
NTP	43,4	31,8	46,9	467.700	804.200
NVC	31,5	27,1	33,5	0	20.000
ONE	16	16	25,8	1.800	0
PAN	38	26,3	43,1	199.600	165.800
PGS	15,9	12,6	18,5	59.400	58.100
PJC	17,3	14	18,6	5.500	0
PLC	23,4	18,2	25,5	2.300	0
POT	11,7	11,7	16,6	92.700	227.000
PPG	10,8	10,9	14,4	3.000	3.500
PSC	20,2	19,6	26,3	100	0
PTC	13,1	13,2	17	4.600	112.000
PTS	20,7	16,6	24,5	8.100	3.800
PVC	36	25,1	37,9	6.800	8.000
PVE	22,8	18,5	26	0	300
PVI	28,1	23,1	31,7	1.307.500	498.200
PVS	47,5	27,2	46,7	1.723.700	16.300
QNC	28,5	25,4	35,5	34.500	31.200
RCL	63,5	45,4	67,7	10.900	5.000
S12	15,1	15	20,2	200	0
S55	23,2	20,9	30,1	47.600	2.400
S64	26,4	15,7	25,8	37.500	12.100
S91	16,3	14,5	20,6	6.600	0
S96	17,3	16	21,6	4.800	0
S99	63,9	36,5	63,2	51.100	1.300
SAP	11,2	11,2	15,3	100	0
SCC	15,4	14,6	20,5	0	0

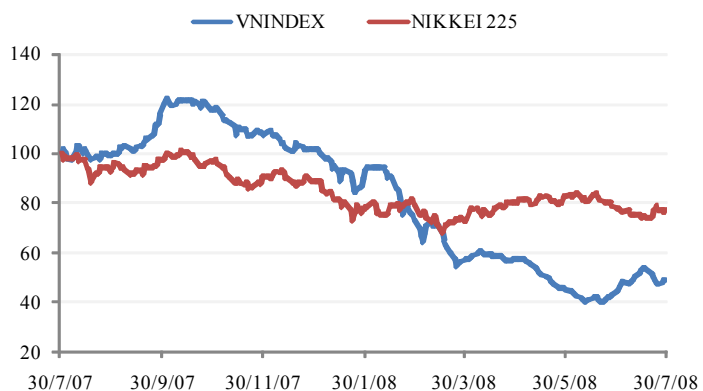
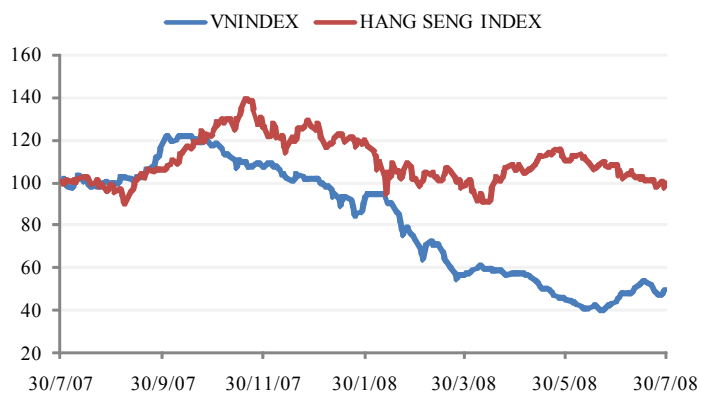
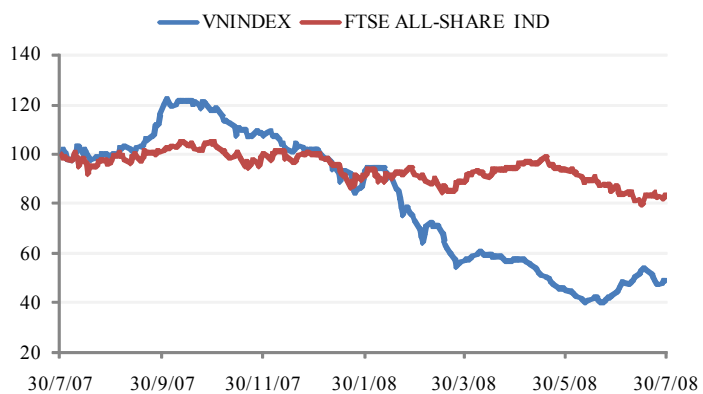
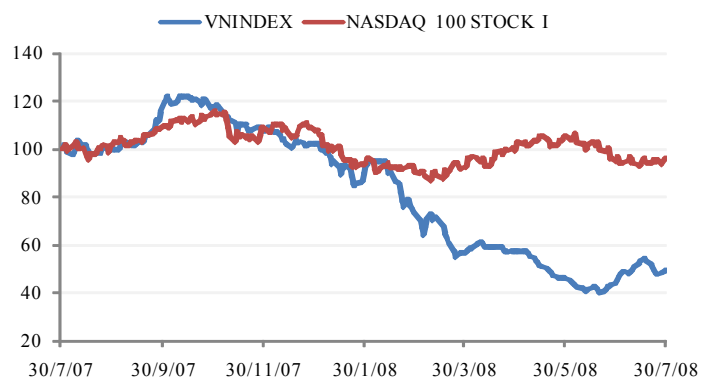
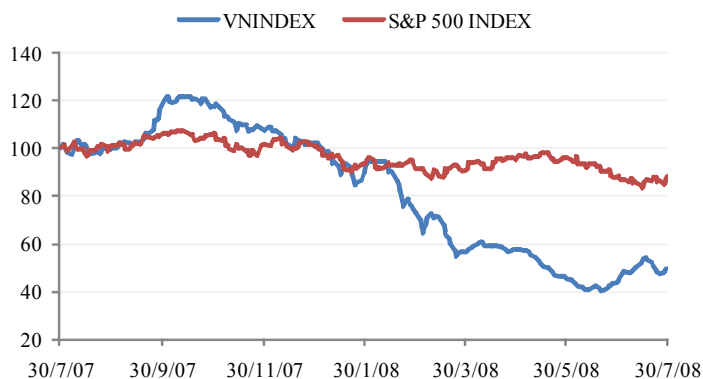
**CHỨNG KHOÁN KIM LONG**

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
SCJ	76,9	43,9	76,1	147.400	70.200
SD2	29,9	27,9	40,1	2.500	5.700
SD3	19,5	18,3	25,3	200	0
SD4	15,6	14,6	20,8	300	0
SD5	32,8	20,5	32,8	1.900	21.000
SD6	27	17,9	28,3	23.900	33.000
SD7	25,3	20,4	30,4	32.300	0
SD9	20,3	17,2	25,3	52.200	56.900
SDA	40,9	24,3	40,6	2.200	6.500
SDC	35,9	27,8	42,9	5.000	0
SDD	11,6	10,5	14,9	300	0
SDJ	24,6	16,1	25,2	84.300	13.800
SDS	26,9	21,8	26,8	200	0
SDT	22,1	21,7	30,1	10.600	755.600
SDY	18,9	15	20,5	0	3.300
SGD	14	14	18,1	100	0
SIC	15,5	14	19,7	0	0
SJC	22,8	20	28,3	0	0
SJE	21,7	15,3	23,4	0	20.000
SJM	16	12,5	18,7	0	0
SNG	28,4	28,2	36,1	0	0
SRA	11,6	11,6	17,2	1.200	32.900
SRB	8,2	8	11,1	100	0
SSS	19	15,2	22,8	1.000	7.000
STC	12,8	12,3	15	100	0
STP	16,8	15	21,5	7.000	4.700
SVC	21,5	21,5	30,5	33.800	19.900
TBC	12,8	12,5	15,8	190.800	1.635.100
TC6	32	30,1	41,6	500	0
TJC	22,7	16,6	22,6	500	600
TKU	10,8	10,8	14	0	0
TLC	8,9	8,9	12,2	87.500	87.000
TLT	14,7	13,7	19,1	25.500	11.000
TNG	13,4	11,5	15,9	66.500	65.000
TPH	11,1	10,7	13,9	0	0
TST	13,5	12,6	18	0	0
TV4	19,8	15,8	19,8	0	5.000
TXM	11,2	10,4	14,5	69.700	44.600
VBH	14,5	14,4	16,2	0	0
VC2	35,1	32	44,7	1.900	5.300
VC3	17,2	15,5	19,7	100	0
VC5	14,4	10,6	15,7	21.000	125.400
VC6	16	13,1	19,4	200	0
VC7	11,9	11,8	15,2	16.700	5.000
VCS	41,5	25,5	44,7	0	0

Mã CK	Giá 31.07	Giá thấp nhất trong tháng	Giá cao nhất trong tháng	Nhà đầu tư nước ngoài mua	Nhà đầu tư nước ngoài bán
<b>VDL</b>	39,7	33,9	43,4	11.200	5.300
<b>VE9</b>	14,2	14,2	15,9	100	0
<b>VFR</b>	14,5	13,5	19,3	61.000	30.700
<b>VMC</b>	22	17,5	24,2	3.900	0
<b>VNC</b>	16,7	15,3	20,8	17.000	5.000
<b>VNR</b>	25,3	24,4	33	13.400	56.700
<b>VSP</b>	97,7	50	97,7	8.200	14.600
<b>VTL</b>	19,8	19,6	27,6	7.700	600
<b>VTB</b>	34,7	25	38,7	14.300	11.400
<b>VTV</b>	17	14,3	19,3	0	0
<b>XMC</b>	13,9	13,4	16,6	52.000	54.000
<b>YBC</b>	18,7	16,8	21,4	100	0
<b>YSC</b>	41,1	21,3	40,9	9.800	2.600

(Nguồn: Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội)

## CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Nguồn: Bloomberg



### **Chú thích**

<sup>1</sup> Dự báo của Hiệp hội cao su Indonesia và IRSG

<sup>2</sup> Nguồn: Theo nguồn tin của Reuters: <http://www.reuters.com/>

<sup>3</sup> Nguồn: Vinanet, Trung tâm thông tin PT NNNT, Viện nghiên cứu Đông Nam Á

<sup>4</sup> Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

<sup>5</sup> Nguồn: Hiệp hội cao su Việt Nam

<sup>6</sup> Chu kỳ từ khi ươm, trồng và thanh lý vườn cây

<sup>7</sup> Nguồn: Diễn đàn doanh nghiệp: <http://www.dddn.com.vn>

<sup>8</sup> Nguồn: <http://www.bbc.co.uk/>